

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /7/2022 của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>4.600.000</b>	<b>2.807.825</b>	<b>61,0</b>	<b>115,3</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>4.600.000</b>	<b>1.981.600</b>	<b>43,1</b>	<b>129,1</b>
1	Thu nội địa	4.200.000	1.828.997	43,5	134,0
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	400.000	152.603	38,2	89,9
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>826.225</b>		<b>91,7</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.133.898</b>	<b>5.658.392</b>	<b>50,8</b>	<b>109,4</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>9.594.887</b>	<b>4.882.248</b>	<b>50,9</b>	<b>104,1</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.511.740	1.913.565	76,2	118,5
2	Chi thường xuyên	7.311.748	2.913.416	39,8	97,0
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	2.425	48,5	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0	
5	Dự phòng ngân sách	198.452	51.642	26,0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.539.011</b>	<b>776.143</b>	<b>50,4</b>	<b>162,0</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>85.100</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>5.000</b>	<b>1.403</b>	<b>28,1</b>	<b>4,3</b>